TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:**20**/2020/DS-ST Ngày 29/4/2020 V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hiên
2. Bà Lê Thị Thảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân thành phố Q mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 140/2019/TLST-DS, ngày 02/12/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-DS ngày 03/3/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**:** Bà Vương Thị T, sinh năm 1958

Địa chỉ: Xóm Phố Lang Quán, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 11 (tổ 19 cũ), phường N, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang

Nơi ở: Xóm Khe Đảng, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai Bà Vương Thị T trình bày: Ngày 17/4/2018 Chị Nguyễn Thị C; Địa chỉ: Tổ 11 phường N, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang có đến cửa hàng Dịch vụ cầm đồ, mua bán và cho thuê xe máy Tuấn Thủy; Địa chỉ: Km 11 xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang thuê của bà T một xe máy nhãn hiệu Attina, màu sơn vàng, biển số xe 22y1- 00179 để làm phương tiện đi lại, thỏa thuận giá trị xe là 20.000.000đ và giá thuê xe là 50.000đ (Năm mươi nghìn

đồng)/ngày, thời gian thuê đến ngày 17/5/2018. Nhưng đã quá thời hạn thuê chị C không trả xe, trả tiền cho bà T. Do vậy bà khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu chị C phải thanh toán cho bà tiền giá trị xe là 20.000.0000đ và tiền thuê xe tính từ ngày 17/4/2018 ngày 17/10/2019 là 540 ngày cụ thể 540 ngày x 50.000đ = 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng); Tổng cộng là 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Tại phiên tòa Bà Vương Thị T rút một phần yêu cầu đối với bị đơn về số tiền phải thanh toán tương ứng với giá trị xe từ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) xuống còn 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng), giữ nguyên yêu cầu thanh toán tiền thuê xe tính từ ngày 17/4/2018 ngày 17/10/2019 là 540 ngày cụ thể 540 ngày x 50.000đ = 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng); Tổng cộng là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị C chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Vương Thị T đề nghị HĐXX giải quyết, Chị Nguyễn Thị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án.

Chị Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Q đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa cho các đương sự theo quy định của pháp luật nhưng Chị Nguyễn Thị C không đến Tòa tham gia tố tụng theo thông báo của Tòa án. Nguyên đơn cung cấp địa chỉ của Chị Nguyễn Thị C là ở tổ 11 phường N, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên chị C hay đem con về nhà bố mẹ đẻ tại Xóm Khe Đảng, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang chơi. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Q đã tiến hành lấy lời khai của Chị Nguyễn Thị C tại: Xóm Khe Đảng, xã T, huyện S tỉnh Tuyên Quang. Kết quả xác minh tại Công an phường N, xác định Chị Nguyễn Thị C có hộ khẩu tại tổ 11 (tổ 19), phường N, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/02/2020 Chị Nguyễn Thị C xác nhận chữ ký Nguyễn Thị C trong hợp đồng cho thuê xe máy ô tô lập ngày 17/4/2018 do Bà Vương Thị T cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký của chị C, chị C khai vào khoảng tháng 3 năm 2018 chị có vay của Bà Vương Thị T số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay là 3 tháng, lãi suất là 50.000đ/ngày đối với số tiền gốc là 5.000.000đ(Năm triệu đồng). Sau khi vay vì hoàn cảnh khó khăn nên chị C không thanh toán được cho bà T đồng nào cả gốc và lãi. Do không có khả năng thanh toán nợ tiền cho bà T nên bà T yêu cầu chị làm hợp đồng thuê xe máy Attila màu vàng, giá trị tài sản là 20.000.000đ, thời hạn thuê từ 17/4/2018 đến 17/5/2019, đăng ký xe mang tên Vương Thị T. Chị C không có giấy tờ, không có căn cứ gì chứng minh cho cho việc chị vay tiền của bà T chứ không phải thuê xe như ghi trong hợp đồng. Nay bà T yêu cầu chị trả tiền giá trị xe là 20.000.000đ và tiền thuê xe là 27.000.000đ chị C

đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Q giải quyết để chị thỏa thuận với bà T là được trả dần chứ trả luôn một lúc thì chị không có khả năng trả được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật; Trình tự phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Về việc giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280; 357, 472, 473, 474, 476 481, 482 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử Chị Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm thanh toán cho Bà Vương Thị T số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) trong đó tiền giá trị xe là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) và tiền thuê xe là 27.000.000đ (Hai mươi bẩy triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Vụ án về "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa nguyên đơn và có mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt.

- Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án cho các đương sự, nguyên đơn có mặt theo thông báo của Tòa án, bị đơn vắng mặt không lý do. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Vương Thị T yêu cầu Chị Nguyễn Thị C thanh toán tiền giá trị xe giá trị xe là 13.000.0000đ và tiền thuê xe tính từ ngày 17/4/2018 ngày 17/10/2019 là 540 ngày, cụ thể 540 ngày x 50.000đ = 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng); Tổng cộng là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị C chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

Việc chị C trình bày không thuê xe của Bà Vương Thị T theo hợp đồng đã ký với bà T ngày 17/4/2018 chị C không có căn cứ chứng minh, chị C cũng xác nhận chữ ký trong hợp đợp đồng đúng là chữ ký của chị, đồng thời xác định trách nhiệm thanh toán tiền cho bà T nhưng xin được trả dần vì không chị không có khả năng thanh toán luôn một lúc. Do vậy, theo quy định tại các Điều 280; 357, 472, 473, 474, 476 481, 482 của Bộ luật dân sự có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Vương Thị T, buộc Chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho Bà Vương Thị T số tiền giá trị xe là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) và tiền thuê xe 540 ngày là 27.000.000đ (Hai mươi bẩy triệu đồng); Tổng cộng là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do vậy, Chị Nguyễn Thị C phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án. Bà Vương Thị T không phải chịu án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280; 357, 472, 473, 474, 476 481, 482 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm thanh toán cho Bà Vương Thị T số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) trong đó tiền giá trị xe là 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) và tiền thuê xe là 27.000.000đ (Hai mươi bẩy triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Chị Nguyễn Thị C phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án. Bà Vương Thị T không phải chịu án phí.

3. Bà Vương Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 29/4/2020; Chị Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tpTuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thảo – Nguyễn Thị Hiên **Vương Thị Lan**